

Số: 783 /QĐ-UBND

Sơn La, ngày 27 tháng 04 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu Trung tâm hành chính và dịch vụ tổng hợp, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chính phủ và Luật Tổ chức chính  
quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009; Luật Sửa đổi,  
bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11  
năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của  
Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định  
số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều  
của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và  
quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy  
định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1595/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2023 của  
UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Vân Hồ, tỉnh Sơn La đến  
năm 2040;

Căn cứ Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2023 của  
UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập Quy hoạch phân khu  
Trung tâm hành chính và dịch vụ tổng hợp, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 113/TTr-SXD  
ngày 19 tháng 4 năm 2024.

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch phân khu Trung tâm hành chính và dịch vụ  
tổng hợp, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La với những nội dung chính như sau:

##### 1. Phạm vi, ranh giới và quy mô lập quy hoạch

Phạm vi khu vực lập quy hoạch phân khu thuộc địa phận xã Vân Hồ,  
huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La, bao gồm: bản Suối Lìn, tiểu khu Sao Đỏ 1, Sao Đỏ  
2, tiểu khu 56, bản Pa Chè 1, một phần bản Hang Trùng 1, Hang Trùng 2 và Bó  
Nhàng 1 với ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc: Giáp tiểu khu Sao Đỏ, bản Suối Lìn, xã Vân Hồ;

- Phía Nam: Giáp bản Bó Nhàng, xã Vân Hồ;
- Phía Tây: Giáp bản Chiềng Đi, xã Vân Hồ;
- Phía Đông: Giáp bản Hang Trùng, xã Vân Hồ.

## 2. Quy mô lập quy hoạch

- Quy mô nghiên cứu, lập quy hoạch: Khoảng 640 ha;
- Quy mô dân số: Khoảng 10.500 người.

## 3. Mục tiêu

- Cụ thể hoá Quy hoạch chung đô thị Vân Hồ, tỉnh Sơn La đến năm 2040.
- Thực hiện, hình thành và triển khai một khu đô thị hài hòa về kiến trúc cảnh quan, đảm bảo khớp nối đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội với khu vực lân cận, phù hợp với định hướng và nhu cầu phát triển đô thị của huyện Vân Hồ và tỉnh Sơn La.
- Tạo hiệu quả sử dụng quỹ đất để thu hút đầu tư phát triển.
- Làm cơ sở để triển khai lập quy hoạch chi tiết và dự án đầu tư xây dựng, đề xuất các dự án ưu tiên đầu tư, quản lý đầu tư xây dựng theo quy hoạch.

## 4. Tính chất, chức năng

- Là trung tâm hành chính, dịch vụ tổng hợp cấp huyện, nhân tố thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của huyện Vân Hồ;
- Là khu dân dụng, khu dân cư cải tạo, chỉnh trang kết hợp với phát triển khu dân cư mới với định hướng là khu dân cư sinh thái với mật độ thấp;
- Là đô thị loại V;
- Là khu vực có vị trí quan trọng về an ninh, quốc phòng.

## 5. Quy hoạch sử dụng đất

### 5.1. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cơ bản

- Chỉ tiêu đất ở hiện trạng (*theo thống kê hiện có*): Khoảng 213 m<sup>2</sup>/người.
- Chỉ tiêu đất nhóm ở:  $\geq 45$  m<sup>2</sup>/người.
- Chỉ tiêu các công trình dịch vụ - công cộng cấp đô thị và cấp đơn vị ở, chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật: Tuân thủ theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn về quy hoạch, xây dựng hiện hành.

### 5.2. Bảng cân bằng sử dụng đất

| TT  | Loại đất                  | Diện tích (ha) | Tỷ lệ (%) | Chỉ tiêu (m <sup>2</sup> /người) |
|-----|---------------------------|----------------|-----------|----------------------------------|
| 1   | Đất nhóm nhà ở            | 150,92         | 23,58     | 143,73                           |
| 1.1 | Đất nhóm nhà ở hiện trạng |                |           |                                  |
|     | Đất nhà ở                 | 82,62          |           |                                  |

| TT               | Loại đất                                       | Diện tích (ha) | Tỷ lệ (%)    | Chỉ tiêu (m <sup>2</sup> /người) |
|------------------|--|----------------|--------------|----------------------------------|
|                  | <i>Đất sân vườn, nông nghiệp gắn với đất ở</i> | 9,18           |              |                                  |
| 1.2              | <i>Đất nhóm nhà ở mới</i>                      |                |              |                                  |
|                  | <i>Đất nhà ở</i>                               | 68,30          |              |                                  |
|                  | <i>Đất sân vườn, nông nghiệp gắn với đất ở</i> | 19,76          |              |                                  |
| 2                | Đất hỗn hợp nhóm nhà ở và dịch vụ              | 5,81           | 0,91         |                                  |
| 3                | Y tế   | 10,16          | 1,59         |                                  |
| 4                | Thể dục thể thao                               | 7,51           | 1,17         |                                  |
| 5                | Giáo dục                                       | 11,97          | 1,87         |                                  |
| 5.1              | THPT   | 5,42           | 0,85         | 5,16                             |
| 5.2              | THCS, Tiểu học, Mầm non                        | 6,55           | 1,02         | 6,24                             |
| 6                | Cây xanh sử dụng công cộng                     | 41,79          | 6,53         | 39,80                            |
| 7                | Sản xuất, kho bãi                              | 10,12          | 1,58         |                                  |
| 8                | Đào tạo nghiên cứu                             | 1,01           | 0,16         |                                  |
| 9                | Cơ quan, trụ sở                                | 7,85           | 1,23         |                                  |
| 10               | Khu dịch vụ (không bao gồm dịch vụ - du lịch)  | 14,25          | 2,23         |                                  |
| 11               | Khu dịch vụ - du lịch                          | 20,88          | 3,26         |                                  |
| 12               | An ninh  | 15,98          | 2,50         |                                  |
| 13               | Quốc phòng                                     | 2,68           | 0,42         |                                  |
| 14               | Đường giao thông                               | 66,76          | 10,43        |                                  |
| 15               | Nghĩa trang                                    | 0,90           | 0,14         |                                  |
| 16               | Hệ thống hạ tầng kỹ thuật                      | 6,70           | 1,05         |                                  |
| 17               | Sản xuất nông nghiệp                           | 59,58          | 9,31         |                                  |
| 17.1             | <i>Đất trồng lúa</i>                           | 12,41          |              |                                  |
| 17.2             | <i>Đất trồng chè</i>                           | 47,17          | 7,37         |                                  |
| 18               | Rừng sản xuất                                  | 63,19          | 9,87         |                                  |
| 19               | Nuôi trồng thủy sản                            | 0,64           | 0,10         |                                  |
| 20               | Đất dự trữ phát triển                          | 97,01          | 15,16        |                                  |
| 21               | Hồ, ao, đầm                                    | 3,74           | 0,58         |                                  |
| 22               | Sông, suối, kênh, rạch                         | 11,61          | 1,81         |                                  |
| <b>Tổng cộng</b> |  | <b>640,0</b>   | <b>100,0</b> |                                  |

## 6. Tổ chức không gian đô thị

- Khu cơ quan hành chính được bố trí dọc theo trục đường chính trung tâm, bao gồm: Khối các cơ quan Đảng, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, khối cơ quan hành chính và các đơn vị sự nghiệp.

- Khu trung tâm văn hoá, thể dục, thể thao: Bố trí tại phía Tây Bắc khu vực quy hoạch, xây dựng khu trung tâm văn hóa, thể thao tổng hợp đa năng, gồm: Nhà văn hóa, cung thiếu nhi, thư viện tổng hợp, sân vận động...

- Khu trung tâm dịch vụ, thương mại, du lịch, nghỉ dưỡng: Bố trí tại khu vực Bó Nhàng và khu vực hồ Sao Đỏ để tạo điều kiện thu hút đầu tư xây dựng, hình thành một đô thị du lịch trong tổng thể Khu du lịch quốc gia Mộc Châu.

- Khu trung tâm y tế, giáo dục: Bố trí bệnh viện đa khoa, trung tâm y tế tại phía Đông Bắc để đảm bảo phục vụ nhu cầu khám, chữa bệnh của đô thị. Giữ nguyên hệ thống trường học hiện hữu và xây dựng mới một số trường học để đáp ứng nhu cầu khi dân số đô thị tăng.

- Khu giải trí, mặt nước, công viên cây xanh, quảng trường (*gồm: khu công viên, hành lang cây xanh, vườn đi bộ, vườn hoa...*) để tạo không gian, cảnh quan cho đô thị.

- Khu ở dân cư: Nâng cấp, cải tạo, chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu về hình khối kiến trúc, sân vườn, cây xanh để tạo nét mới cho đô thị. Hình thành các khu dân cư mới kết hợp dịch vụ, du lịch tại các đường chính và khu vực, quy hoạch các khu vực nhà vườn, nhà ở sinh thái, phát triển các mô hình kiến trúc truyền thống.

- Khu trung tâm sản xuất tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp: Bố trí tại phía Đông Bắc với các mô hình sản xuất, làng nghề có quy mô vừa và nhỏ thu hút lực lượng lao động.

- Khu đất dự trữ được bố trí tại phía Đông có tiềm năng về phát triển nhà ở, du lịch sinh thái, dịch vụ, thương mại, trụ sở... nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của đô thị trong tương lai.

## **7. Quy hoạch mạng lưới hạ tầng kỹ thuật**

Quy hoạch mạng lưới hạ tầng kỹ thuật của quy hoạch phân khu được hình thành trên cơ sở cập nhật đồng bộ giữa quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết, dự án đang triển khai trong khu vực và các quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan, đảm bảo nhu cầu phát triển đô thị, cụ thể như sau:

### **7.1. San nền**

- San nền theo nguyên tắc đảm bảo thoát nước tự chảy được thuận lợi nhất và khối lượng đào đắp nhỏ nhất. Cao độ không chế san nền được xác định theo địa hình, độ dốc đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

- Cao độ không chế (nhỏ nhất: +872,0 m; lớn nhất: +1.074,0 m).

- San nền, đầm nền đến độ chặt  $k=0,9$ .

### **7.2. Thoát nước mưa**

- Khu vực quy hoạch được chia làm 3 lưu vực thoát nước chính:

+ Lưu vực số 1: Tại tiểu khu Sao Đỏ 1, 2 và bản Suối Lìn.

+ Lưu vực số 2: Theo trục Đường tỉnh 101.

+ Lưu vực số 3: Từ Quốc lộ 6 vào khu trung tâm.

- Hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn, mạng lưới thoát nước mưa hình

nhánh, thiết kế cống tròn BTCT đường kính D400 - D1500 mm kết hợp rãnh xây có tiết diện 600 -1200 mm, dọc theo các tuyến đường giao thông.

### 7.3. Giao thông

#### a) Đường đối ngoại:

- Đường Quốc lộ 6: Đoạn đi qua ranh giới quy hoạch có lộ giới 22,5-76,0m;
- Đường tỉnh 101B: Lộ giới 16,0-22,5 m, lòng đường 10,0-10,5m.

#### b) Đường cấp đô thị:

- Đường chính đô thị: Lộ giới 31,5 m, lòng đường 15,0-19,0m.
- Đường liên khu vực: Lộ giới 23,5-27,0 m, lòng đường 13,5-14,0m.
- Đường chính khu vực: Lộ giới 19,5-21,5 m, lòng đường 13,5-15,5m.
- Đường phân khu vực: Lộ giới 13,5 m, lòng đường 7,5m.
- Đường nhóm nhà ở: Lộ giới 9,5-11,5 m, lòng đường 5,5m.

#### c) Giao thông tỉnh:

- Bến xe đô thị được bố trí tại phía Đông Bắc.
- Các bãi đỗ xe bố trí gần các khu vực công cộng, hỗn hợp, công viên, cây xanh để phục vụ nhu cầu của đô thị.

### 7.4. Cấp nước

Tổng nhu cầu cấp nước là khoảng 2.453 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

a) *Nguồn cấp và công trình đầu mối:* Khai thác, sử dụng nguồn nước ngầm mạch nông từ các mỏ nước và nguồn nước ngầm mạch sâu hiện có trong khu vực. Xây dựng mới trạm cấp nước số 1 với công suất thiết kế đợt đầu là 1.500 m<sup>3</sup>/ngđ, trạm cấp nước suối Lìn công suất 1.550 m<sup>3</sup>/ngđ và trạm cấp nước hồ Sao Đỏ công suất 2.700 m<sup>3</sup>/ngđ.

#### b) Mạng lưới cấp nước:

- Mạng cấp I:

+ Mạng lưới cấp nước được xây dựng mới kết hợp nâng cấp cải tạo hệ thống cấp nước hiện có. Mạng lưới cấp nước là mạch vòng, bố trí dưới vỉa hè theo các tuyến giao thông, sử dụng ống HDPE tiết diện D110÷D250 mm.

+ Mạng lưới cấp nước cứu hỏa kết hợp cùng hệ thống cấp nước sinh hoạt, các họng cứu hỏa bố trí trên đường ống  $\geq 100$  mm, khoảng cách đạt 150 m/họng.

- Mạng cấp II: Sử dụng ống nhựa HDPE đường kính D32÷D75 mm.

### 7.5. Cấp điện, chiếu sáng

Tổng nhu cầu cấp điện là khoảng 6.968 kVA.

a) *Nguồn cấp điện:* Khu vực được cấp điện từ trạm biến áp 110 kV Vân Hồ và trạm biến áp 110kV Mộc Châu.

b) *Lưới điện cao thế:* Tuyến điện 110 kV chạy cắt qua khu vực sẽ được di chuyển phù hợp với định hướng quy hoạch chung.

c) *Lưới điện trung áp*: Các tuyến 22 kV được đấu nối với các trạm biến áp phân phối 22/0,4 kV, xây mới các tuyến cấp điện dọc theo đường giao thông chính, cấp điện cho các trạm biến áp trong khu vực.

d) *Trạm biến áp phân phối*: Xây dựng mới 14 trạm biến áp 22/0,4 kV với công suất mỗi trạm từ 250÷400 kVA tùy theo khu vực, đảm bảo phù hợp với công suất của phụ tải.

đ) *Chiếu sáng*: Hệ thống điện chiếu sáng đi ngầm trong hào kỹ thuật trên hè dọc theo các tuyến đường, đồng bộ với hệ thống điện sinh hoạt. Đèn chiếu sáng sử dụng đèn tiết kiệm năng lượng, phục vụ giao thông đi lại và đảm bảo an ninh, các khu sân chơi, công viên, hồ nước bố trí thêm hệ thống chiếu sáng trang trí tạo cảnh quan đô thị.

## 7.6. Thông tin liên lạc

Tổng nhu cầu sử dụng thông tin: Khoảng 23.389 thuê bao.

a) *Truyền dẫn và chuyển mạch*:

- Cấp quang hóa đến các khu dân cư, khu trung tâm thương mại, khu du lịch đáp ứng nhu cầu về thông tin, giải trí...

- Triển khai xây dựng mạng truy nhập quang tới khách hàng, đảm bảo nâng cấp đa dạng dịch vụ yêu cầu băng thông cao như: Internet tốc độ cao, truyền hình tương tác...

b) *Mạng di động*: Quy hoạch mạng thông tin di động theo các quy tắc sau: Quy hoạch theo vùng phủ của trạm thu phát sóng, quy hoạch dự phòng các yếu tố phát triển về công nghệ mới, doanh nghiệp mới, sử dụng chung cơ sở hạ tầng, sử dụng riêng cơ sở hạ tầng.

c) *Mạng ngoại vi*: Quá trình thực hiện ngầm hóa triển khai đồng bộ với xây dựng cơ sở hạ tầng các ngành (giao thông, xây dựng, chiếu sáng công cộng...) trên địa bàn mỗi khu vực. Ngầm hóa theo hướng sử dụng chung cơ sở hạ tầng giữa các doanh nghiệp, các ngành. Tại những khu vực mạng ngoại vi đã được xây dựng từ trước: thực hiện ngầm hóa mạng ngoại vi đến hệ thống tủ cáp trên các tuyến đường, tuyến phố, khu dân cư (*ngầm hóa tới thuê bao tại các khu vực trung tâm, khu vực có yêu cầu cao về mỹ quan*), cải tạo hệ thống mạng ngoại vi đảm bảo mỹ quan đô thị.

## 7.7. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

### 7.7.1. Thoát nước thải

Tổng nhu cầu xử lý nước thải là khoảng 1.190 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

a) *Trạm xử lý nước thải*: Nước thải sinh hoạt của khu vực được thoát về trạm xử lý số 1 có công suất 2.900 m<sup>3</sup>/ngày để xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi đổ vào nguồn tiếp nhận.

b) *Mạng lưới thoát nước thải*: Hệ thống thoát nước thải là hệ thống riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước mặt. Các cống thoát nước thải có kích thước

D200 trở lên. Hầu hết tất cả các công vận hành theo hình thức tự chảy hướng về trạm xử lý, tận dụng tối đa điều kiện địa hình để đặt công.

#### 7.7.2. Vệ sinh môi trường

- Tổng nhu cầu chất thải rắn dự báo: Khoảng 9,37 tấn/ngày đêm.
- Bố trí các điểm thu gom chất thải rắn tập trung để đảm bảo mỹ quan đô thị, rác thải sau đó sẽ được vận chuyển về các khu xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường.
- Nghĩa trang: Dự kiến đặt tại xã Chiềng Khoa, các nghĩa địa hiện hữu trong nội thị được chỉnh trang, quy tập, di dời và không mở rộng thêm.

### 8. Thiết kế đô thị

#### 8.1. Các công trình điểm nhấn

- Các công trình điểm nhấn quan trọng là trụ sở hành chính - chính trị huyện Vân Hồ và các công trình văn hoá, thể thao, dịch vụ, thương mại dọc theo tuyến đường trục chính trung tâm.
- Các công trình điểm nhấn khác chủ yếu là các công trình dịch vụ, thương mại, hỗn hợp, công chào, biểu tượng được xác định tại các giao lộ giao thông chính.

#### 8.2. Về tầng cao xây dựng và khoảng lùi công trình

a) *Về tầng cao xây dựng*: Chiều cao xây dựng công trình từng lô đất được quy định theo bản vẽ quy hoạch sử dụng đất, thiết kế đô thị trên cơ sở khớp nối các quy hoạch chi tiết, các dự án đã và đang thực hiện, tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng và ý tưởng cảnh quan chung.

#### b) *Khoảng lùi*:

- Khoảng lùi của công trình tuân thủ khoảng lùi tối thiểu được quy định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn và đảm bảo tính thống nhất trên toàn tuyến phố;
- Khoảng lùi cụ thể đối với từng tuyến phố, nút giao thông... được quy định chi tiết trong bản vẽ quy hoạch giao thông và chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng.

#### 8.3. Hệ thống cây xanh, tiện ích đô thị

- Đảm bảo tính kết nối và liên tục của hệ thống công viên cây xanh, mặt nước, hình thành các tuyến, trục cây xanh, đi bộ và các trục không gian. Lựa chọn loại cây xanh phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng...
- Tổ chức các hoạt động du lịch, dịch vụ gắn với di tích lịch sử, văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng... Tổ chức các hệ thống đường dạo, đi bộ, đường dành cho xe đạp, hệ thống vườn hoa, tiểu cảnh, các dịch vụ, tiện ích đô thị. Từng bước cải tạo, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật, bố trí các điểm thu gom rác, bến xe, bãi đỗ với những khoảng cách hợp lý.

### 9. Đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường

- Ưu tiên phát triển mô hình kiến trúc xanh, duy trì, mở rộng và bảo vệ diện tích mặt nước, khuyến khích sử dụng công nghệ thân thiện môi trường, sử

dụng các phương tiện giao thông công cộng, năng lượng sạch, khai thác hợp lý tài nguyên, nguồn nước, đảm bảo các quy định về môi trường. Xây dựng hệ thống quan trắc, giám sát định kỳ về môi trường.

- Giữ gìn và bảo vệ giá trị cảnh quan tự nhiên, đồi chè, hệ sinh thái, phát triển hệ thống cây xanh cảnh quan, hồ điều hòa.

- Xây dựng đồng bộ hệ thống thoát nước, thu gom, xử lý nước thải và chất thải rắn hợp vệ sinh.

- Thực hiện các giải pháp thích ứng, giảm thiểu biến đổi khí hậu.

## **10. Tổng hợp kinh phí đầu tư**

**10.1. Khái toán tổng mức đầu tư:** Khoảng 1.063 tỷ đồng.

*a) Các dự án ưu tiên đầu tư:*

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khung Khu du lịch quốc gia Mộc Châu.

- Dự án hạ tầng kỹ thuật:

+ Cải tạo, nâng cấp, xây dựng các tuyến đường tỉnh ĐT.101, ĐT.101B; nâng cấp, hoàn thiện các dự án tuyến đường tại khu trung tâm.

+ Đầu tư xây dựng hệ thống thoát lũ suối Hoa, hệ thống cấp nước khu trung tâm hành chính, chính trị huyện, hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

- Dự án hạ tầng xã hội: Đầu tư xây dựng Trường THPT Vân Hồ (giai đoạn 2), Trường PTDT Nội trú Vân Hồ (giai đoạn 2), Sân vận động huyện và các dự án chỉnh trang đô thị.

*b) Các dự án thu hút đầu tư:*

Các dự án khu đô thị, khu dân cư, thương mại, dịch vụ, vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng, chợ trung tâm, cơ sở y tế, chăm sóc sức khỏe, cơ sở giáo dục, đào tạo tư nhân, trường học tư thục, bến xe hỗn hợp và các khu chế biến sản phẩm nông nghiệp, sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao...

**10.2. Đề xuất nguồn vốn thực hiện:** Vốn ngân sách tỉnh, ngân sách huyện, vốn xã hội hóa và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

**11. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch:** Ban hành kèm theo Quyết định này.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

#### **1. Sở Xây dựng**

- Chịu trách nhiệm về nội dung hồ sơ quy hoạch; kết quả, quy trình thẩm định, tính chuẩn xác của các thông tin số liệu trình phê duyệt quy hoạch theo quy định;

- Hoàn thiện hồ sơ quy hoạch, chuyển giao hồ sơ quy hoạch cho các cơ quan quản lý cấp tỉnh, cấp huyện theo quy định. Xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch GIS trên trang điện tử của tỉnh. Tổ chức công bố, công khai đồ án quy hoạch và triển khai cắm mốc giới, biển pa nô quy hoạch theo quy định;



- Hướng dẫn, đôn đốc UBND huyện Mộc Châu trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch, quản lý kiến trúc đô thị và các nội dung khác có liên quan theo quy định.

## 2. UBND huyện Vân Hồ

- Tổ chức rà soát đồ án quy hoạch chi tiết, tổng mặt bằng, đánh giá sự phù hợp với quy hoạch cấp trên để quyết định tiếp tục thực hiện, điều chỉnh hoặc hủy bỏ theo thẩm quyền làm cơ sở quản lý quy hoạch, đất đai, đầu tư xây dựng đồng bộ, thống nhất đảm bảo nguyên tắc kế thừa, tránh lãng phí nguồn lực lập quy hoạch;

- Tổ chức lập kế hoạch thực hiện quy hoạch trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; Thực hiện quản lý quy hoạch, quản lý đô thị, quản lý trật tự xây dựng theo phân cấp, phân quyền và các quy định pháp luật hiện hành.

3. Các Sở, ban, ngành theo chức năng nhiệm vụ tổ chức thực hiện quy hoạch được phê duyệt theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và đầu tư, Tài chính, Nội vụ, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Công thương, Lao động - Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Văn hóa Thể thao và Du lịch; Chủ tịch UBND huyện Vân Hồ; Thủ trưởng các cơ quan đơn vị có liên quan chịu thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

### **Nơi nhận:**

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (t/h);
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KT (Toàn).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*(Handwritten signature in blue ink)*

**Lê Hồng Minh**